

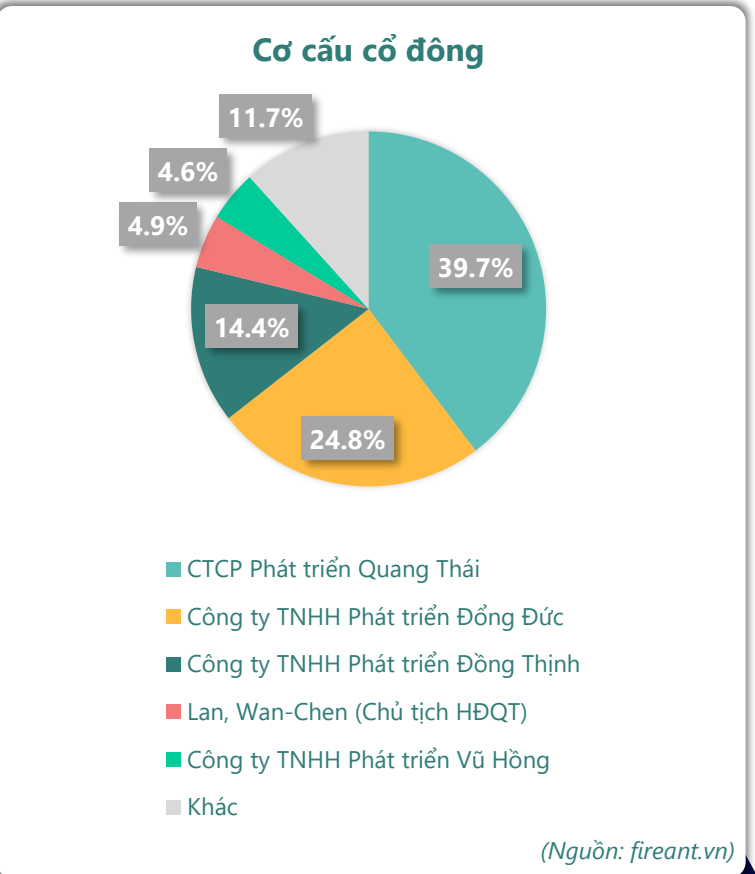
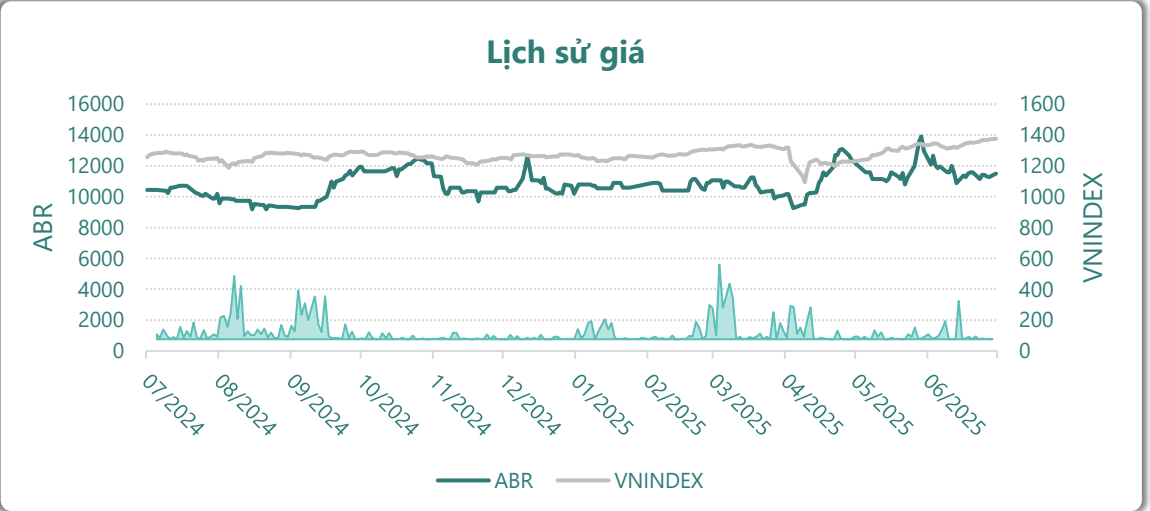
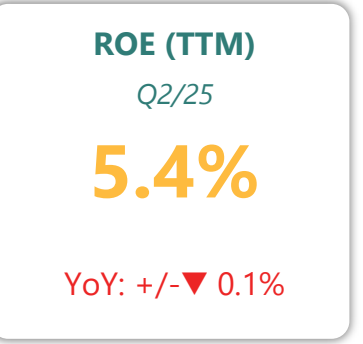
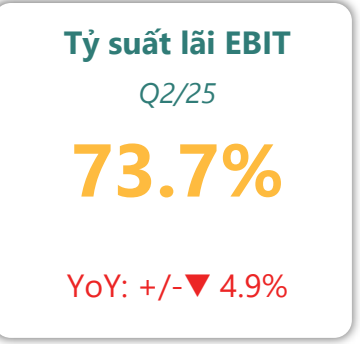
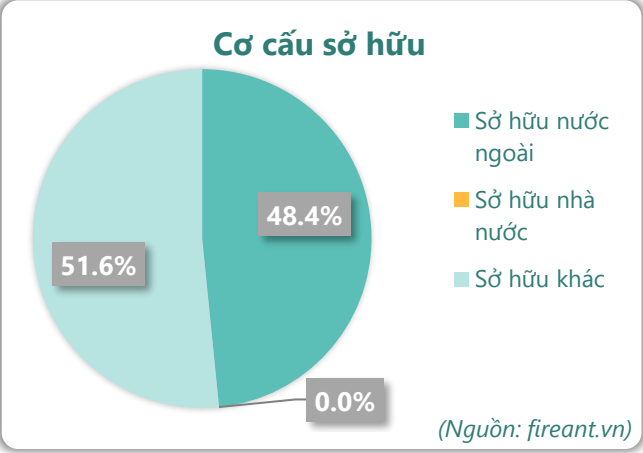


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

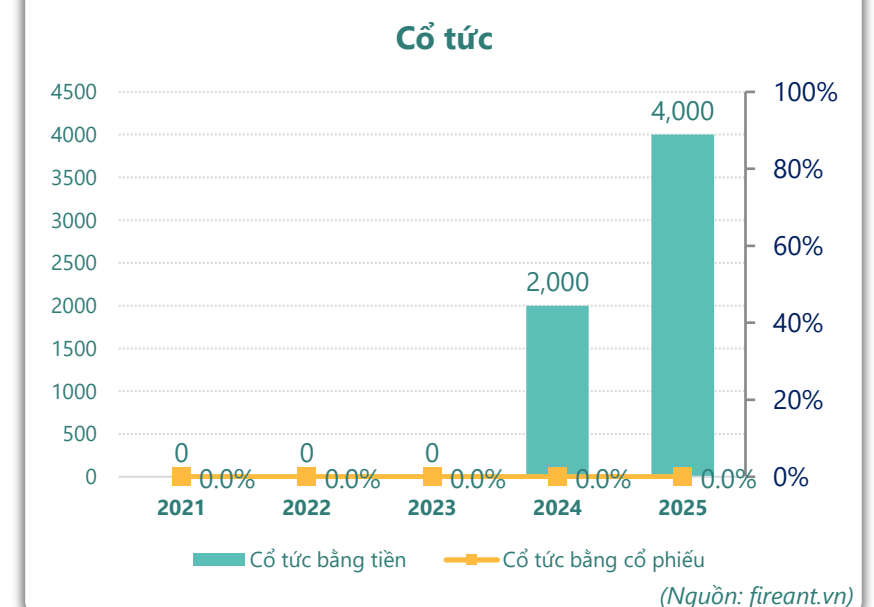
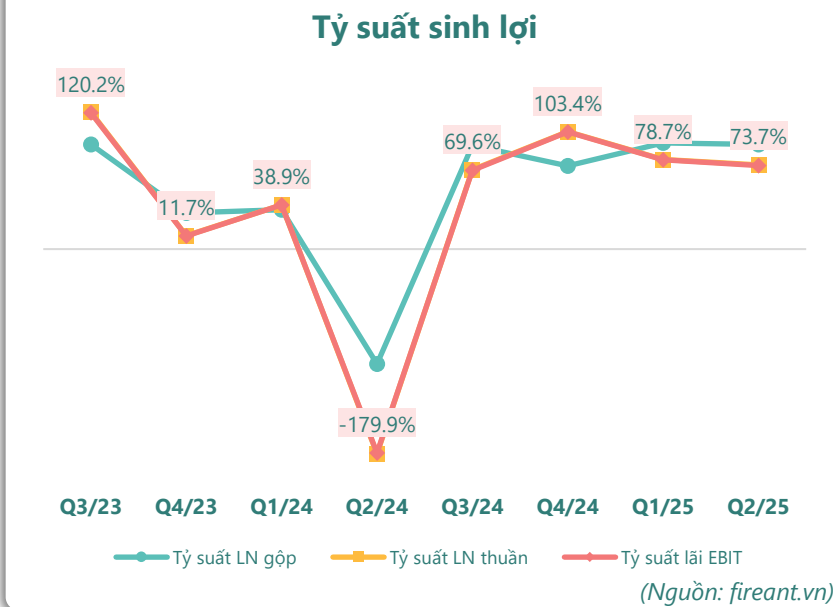
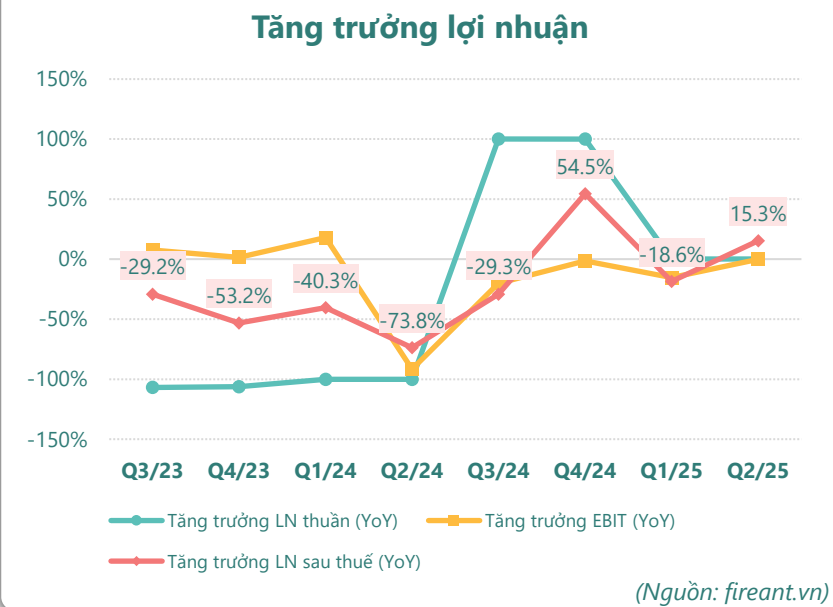
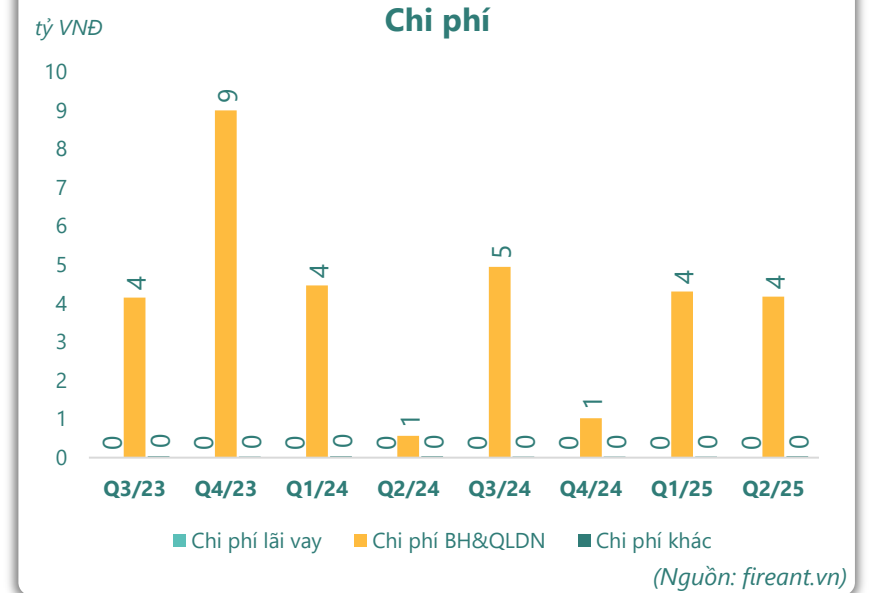
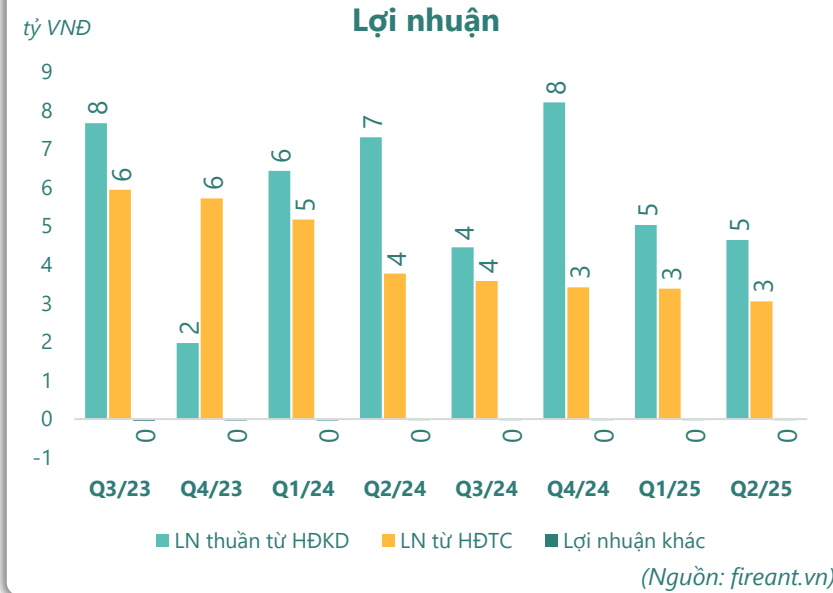
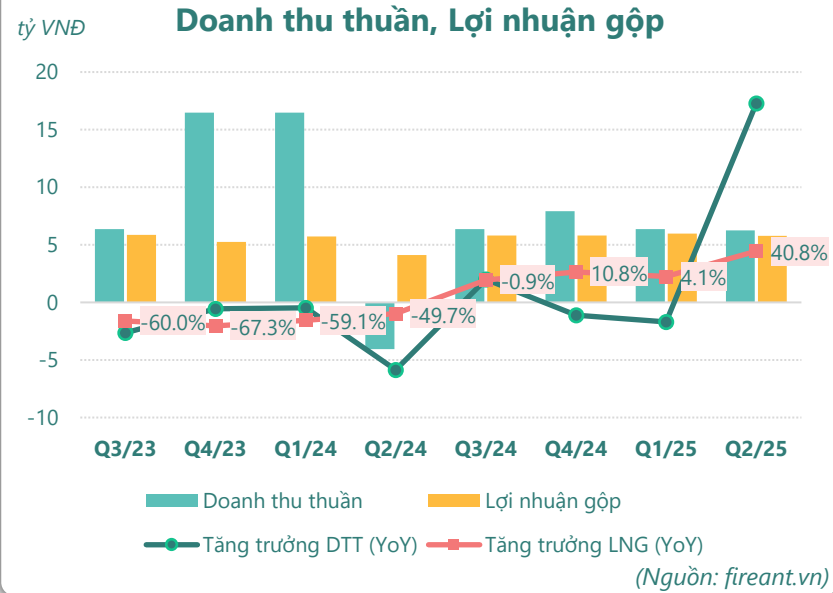
CTCP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt

Ngày 30/06/2025	12,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.9%	28.0%	25.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,179 - 13,904
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	258
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,280
Sở hữu nước ngoài	48.4%
Beta	0.44
EPS	736
P/E	17.5



KẾT QUẢ KINH DOANH

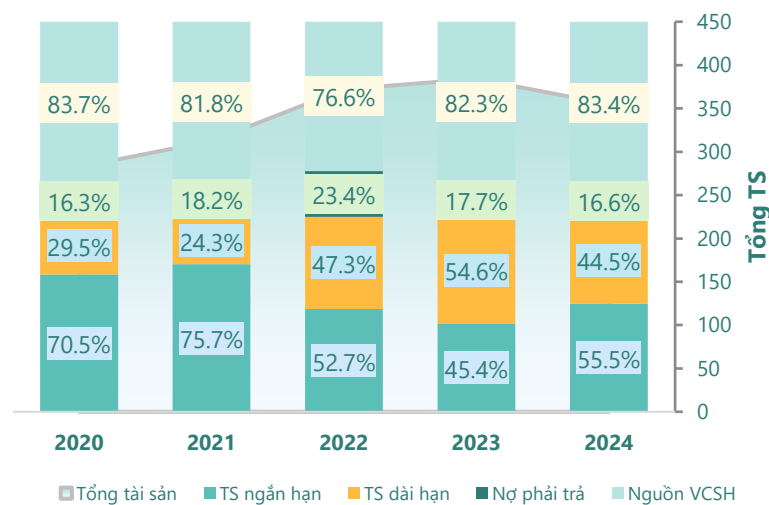




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

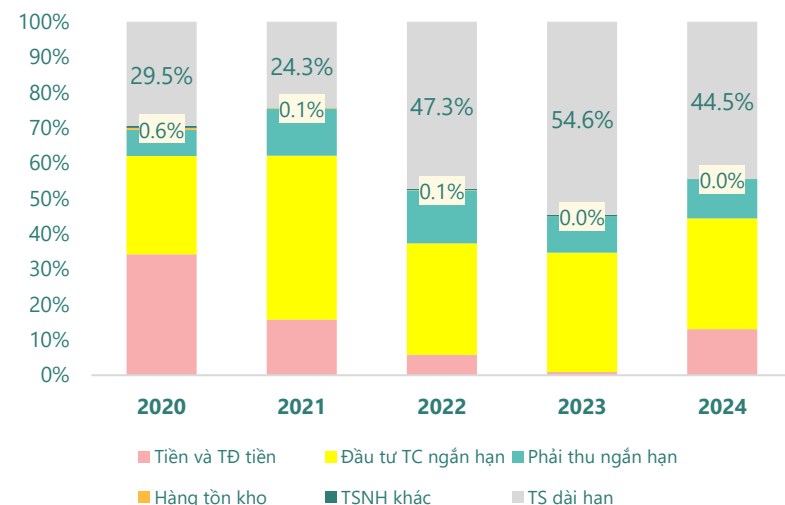
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

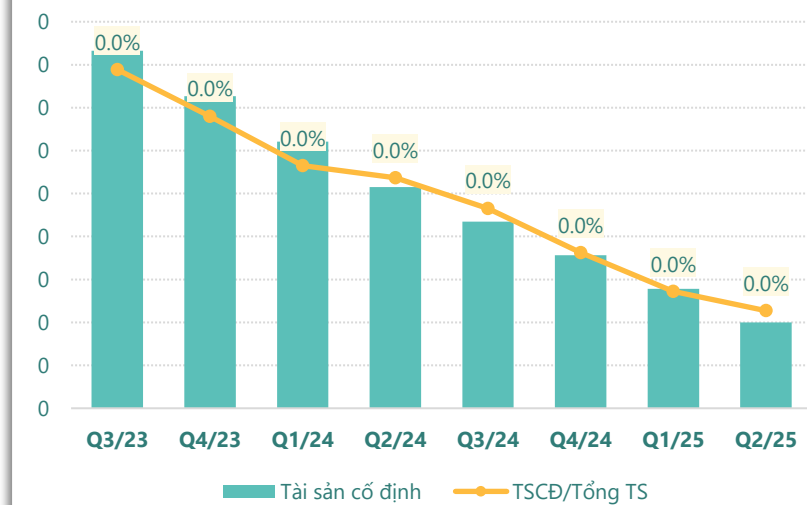
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

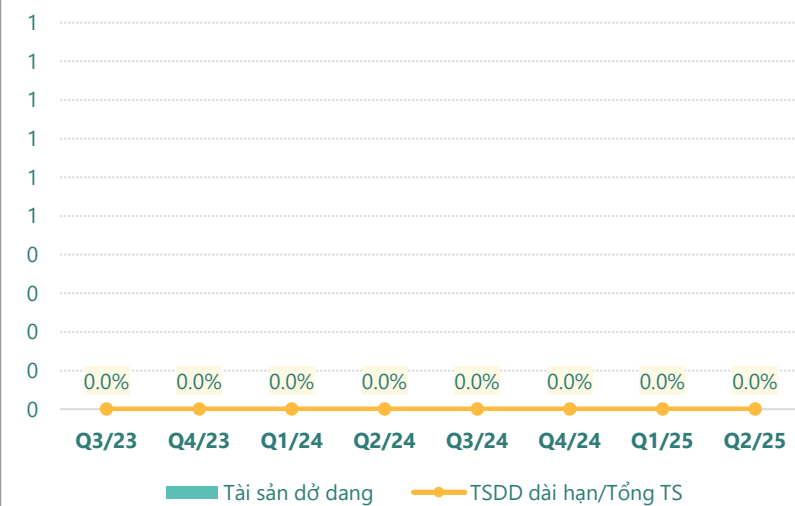
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

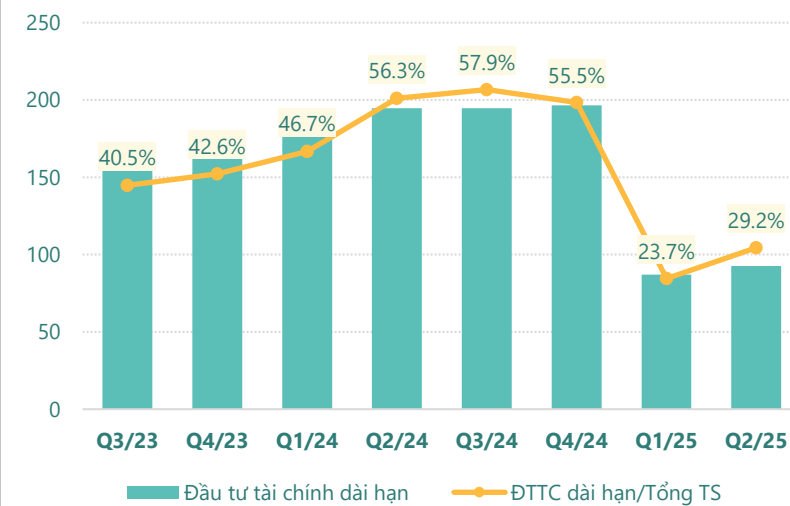
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

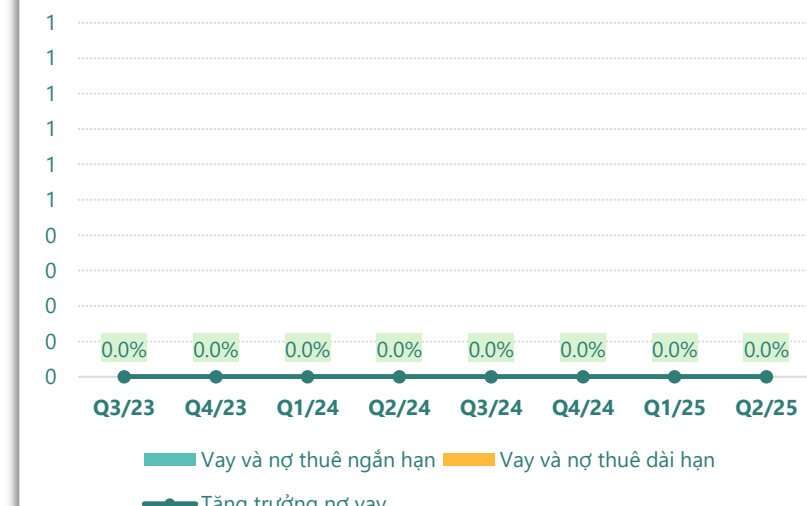
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

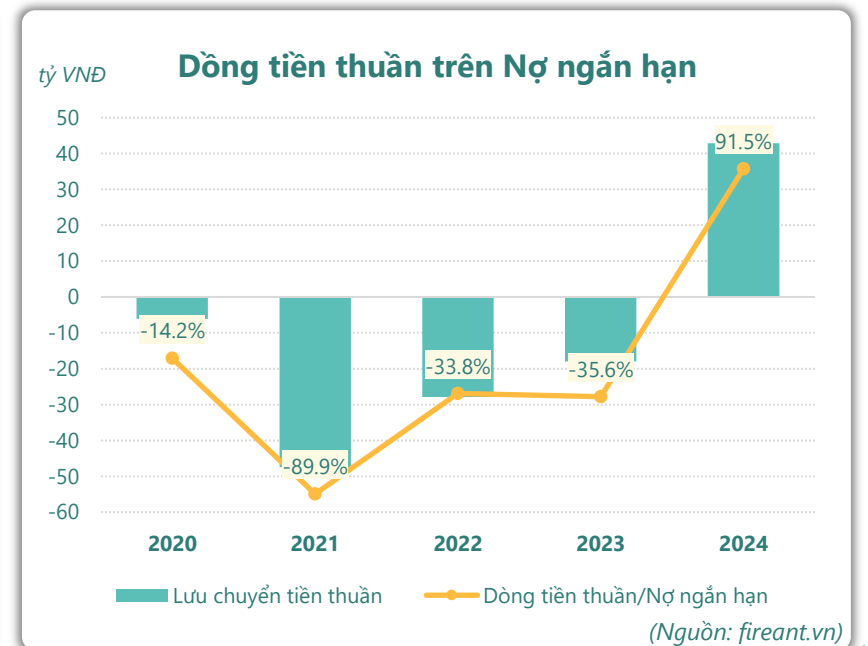
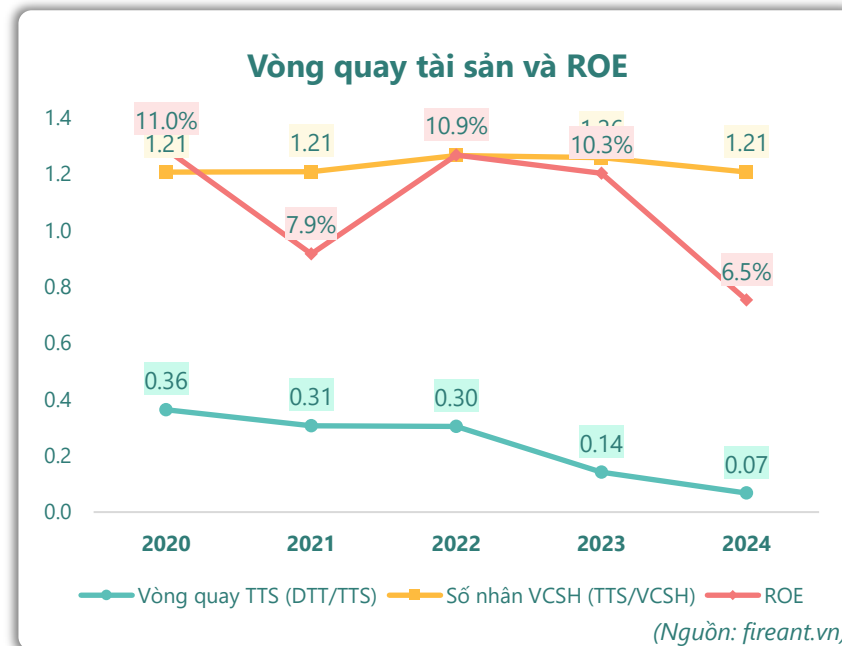
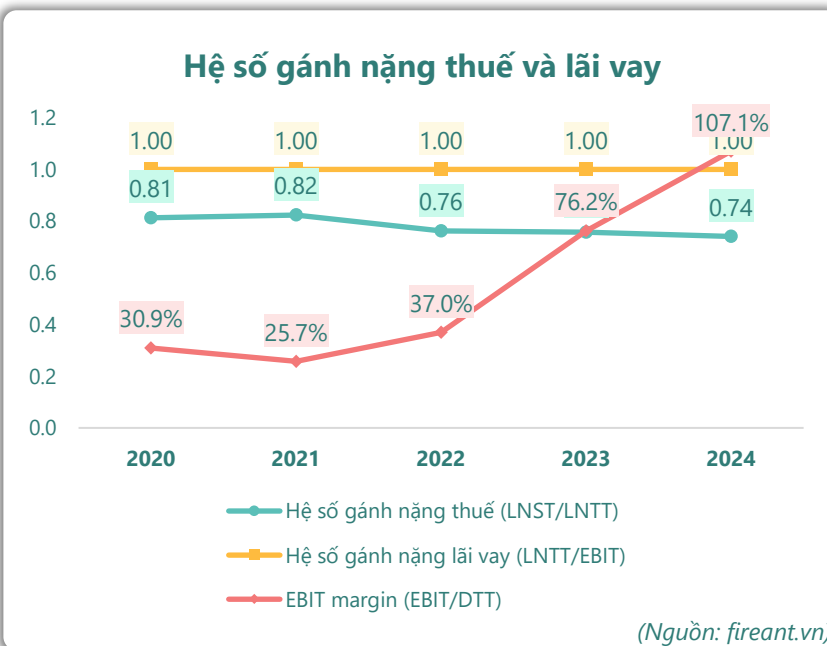
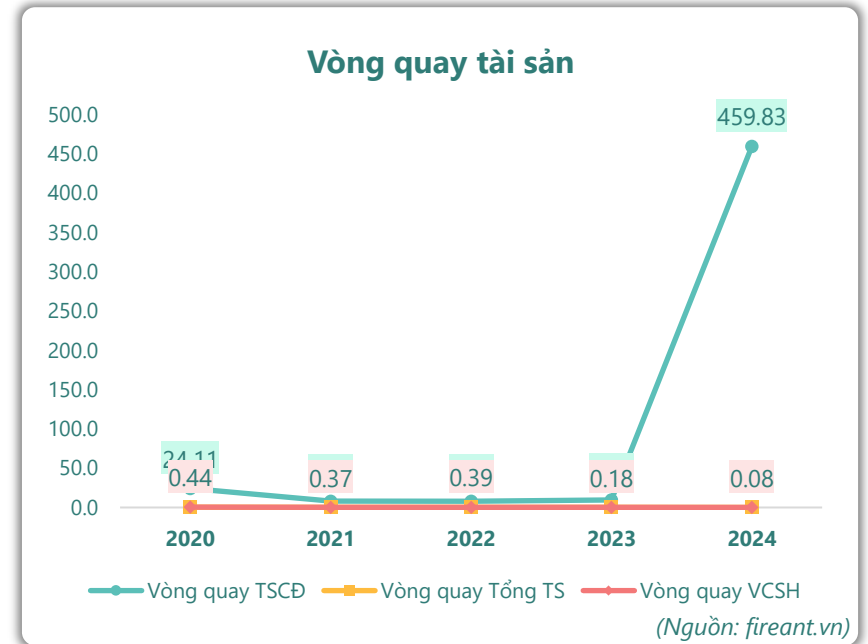
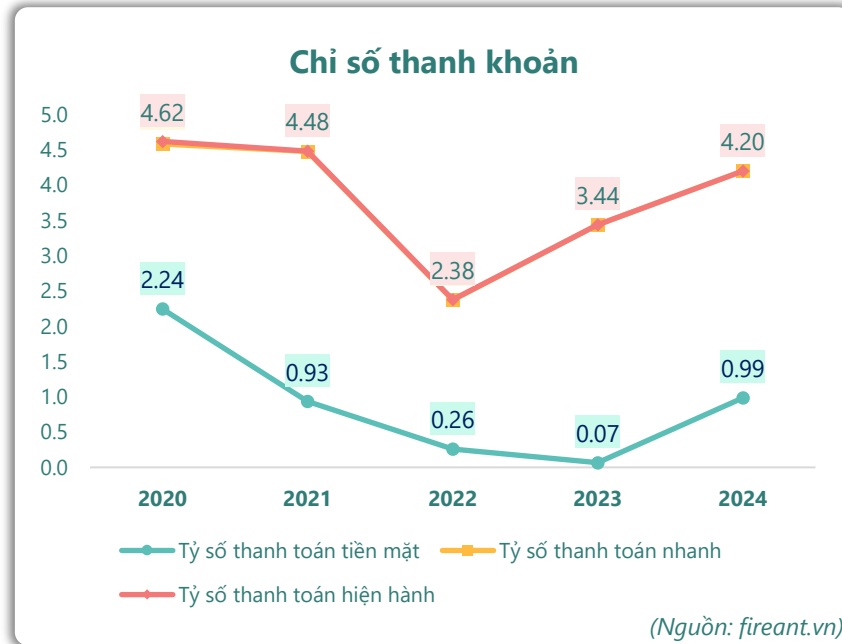
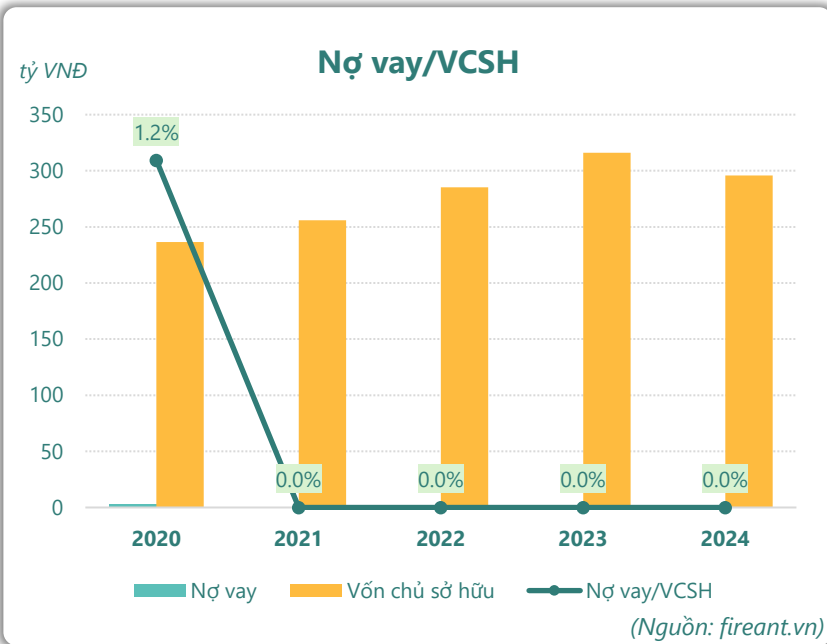
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.26	-4.04	255%	12.6	12.4	1.5%
Giá vốn hàng bán	0.49	-8.15	106%	0.89	2.61	-65.8%
Lợi nhuận gộp	5.77	4.10	40.8%	11.7	9.82	19.4%
Doanh thu HĐTC	3.11	3.85	-19.3%	6.60	9.10	-27.4%
Chi phí TC	0.06	0.07	-20.6%	0.17	0.15	14.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.01	0.02	-25.3%	0.02	0.05	-46.5%
Chi phí QLDN	4.16	0.55	657%	8.46	4.98	69.7%
LN thuần từ HĐKD	4.65	7.31	-36.4%	9.68	13.7	-29.6%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.03	-2.2%	-0.06	-0.07	8.2%
LN trước thuế	4.62	7.28	-36.6%	9.62	13.7	-29.7%
Lợi nhuận sau thuế	3.32	5.47	-39.3%	7.00	10.2	-31.6%
LNST của CĐ cty mẹ	3.32	5.47	-39.3%	7.00	10.2	-31.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.2	-32.0	-33.8	2.24	-0.36	3.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.0	23.4	30.7	-0.76	-0.63	1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-40.0	0	0	0	-40.0
Tiền đầu kỳ	3.37	54.5	5.94	2.80	46.3	45.3
Lưu chuyển tiền thuần	51.2	-48.6	-3.14	1.48	-0.99	-35.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	54.5	5.94	2.80	4.27	45.3	9.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	317	355	-10.7%
Tài sản ngắn hạn	192	197	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	9.76	46.3	-78.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.6	111	-36.5%
Phải thu ngắn hạn	111	39.3	182%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	0.21	14.2%
Tài sản dài hạn	125	158	-20.7%
Phải thu dài hạn	0.62	0.42	48.7%
Tài sản cố định	0.02	0.04	-43.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	92.6	122	-24.1%
Tài sản dài hạn khác	1.95	2.01	-2.9%
Lợi thế thương mại	30.0	33.5	-10.3%
Nợ phải trả	53.8	58.9	-8.6%
Nợ ngắn hạn	44.4	46.9	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.60	30.5	-81.6%
Nợ dài hạn	9.46	12.0	-21.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	263	296	-11.2%
Vốn chủ sở hữu	263	296	-11.2%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

